

Số: 239/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990

Nơi cư trú: tổ B, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: tổ B, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 05/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất được cách nuôi dạy con cái. Vợ chồng không có sự chia sẻ và thông cảm, thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, căng thẳng, tình cảm rạn nứt. Anh M và chị T đã cố gắng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay, tuy chung sống cùng nhà nhưng

vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 27/9/2021. Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T thỏa thuận:

Anh Nguyễn Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Đ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Vũ Bảo N đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T thỏa thuận chị Vũ Thị T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 11/11/2013 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 27/9/2021 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Văn M, chị Vũ Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy anh Nguyễn Văn M hay chị Vũ Thị T không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì bên còn lại có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Nguyễn Văn M và chị Vũ Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Vũ Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015569669 ngày 07/5/2026 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 149 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
nay là UBND phường H, TP Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh